Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk
Ngày ký: 11-09-2023 11:15:39 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1725 /QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 11 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu mua thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền) năm 2023 thuộc danh mục thuốc đấu thầu, Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa Vùng Tây Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BYT ngày 30/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc thiết yếu;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế thuộc UBND tỉnh, thành phố

trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên tại Tờ trình số 1439/TTr-BVVTN ngày 08/8/2023; đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Báo cáo số 358/BC-SYT ngày 06/9/2023 Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu mua thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền) năm 2023 thuộc danh mục thuốc đấu thầu, Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu mua thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền) năm 2023 thuộc danh mục thuốc đấu thầu, Dự án: mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên, với số tiền **7.963.199.200 đồng** *(Bằng chữ: Bảy tỷ, chín trăm sáu mươi ba triệu một trăm chín mươi chín ngàn hai trăm đồng)*, chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên (Bên mời thầu) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện mua thuốc đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời, chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, tiêu chí kỹ thuật và giá mặt hàng thuốc tại Điều 1 Quyết định này.

2. Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên chịu trách nhiệm về tính pháp lý của các hồ sơ có liên quan, danh mục, số lượng, đơn giá mua sắm thuốc và hình thức lựa chọn nhà thầu tại Điều 1 Quyết định này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Y tế chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên thực hiện việc mua thuốc theo đúng các tiêu chí kỹ thuật, danh mục được phê duyệt và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên; Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh (thay b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- TTCN và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT (XTn 07b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

H'Yim Kđoh

Phụ lục I

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU:
MUA THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ THÀNH PHẦN DƯỢC LIỆU PHỐI HỢP VỚI DƯỢC CHẤT HÓA DƯỢC, THUỐC CỔ TRUYỀN (KHÔNG BAO GỒM VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN) NĂM 2023 THUỘC DANH MỤC THUỐC ĐẤU THẦU, DỰ ÁN: MUA THUỐC PHỤC VỤ KHÁM, CHỮA BỆNH CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA VÙNG TÂY NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-UBND ngày 11 / 9 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên Gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Tổ chức, cá nhân giám sát
1	Mua thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền) năm 2023	**7.963.199.200**	Nguồn thu viện phí, Bảo hiểm y tế, nguồn thu dịch vụ	Đấu thầu rộng rãi qua mạng/Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý III + Quý IV năm 2023	Trọn gói	365 ngày	Sở Kế hoạch và Đầu tư
	Tổng giá trị gói thầu	**7.963.199.200 đồng** *(Bảy tỷ chín trăm sáu mươi ba triệu một trăm chín mươi chín ngàn hai trăm đồng)*						

Phụ lục II

DANH MỤC GÓI THẦU MUA THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ THÀNH PHẦN DƯỢC LIỆU PHỐI HỢP VỚI DƯỢC CHẤT HÓA DƯỢC, THUỐC CỔ TRUYỀN (KHÔNG BAO GỒM VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN) THUỘC DANH MỤC THUỐC ĐẤU THẦU NĂM 2023

DỰ ÁN: MUC THUỐC PHỤC VỤ KHÁM, CHỮA BỆNH CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA VÙNG TÂY NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-UBND ngày 11 / 9 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
1	Hoắc hương/ Quảng hoắc hương, Tía tô/ Tử tô diệp, Bạch chỉ, Bạch linh/Phục linh, Đại phúc bì, Thương truật, Hậu phác, Trần bì, Cam thảo, Bán hạ/ Bán hạ chế, (Cát cánh, Can khương).	3		Uống	Viên	Viên	12.000	1.280	15.360.000
2	Bạch mao căn, Đương quy, Kim tiền thảo, Xa tiền tử, Ý dĩ, Sinh địa.	3		Uống	Viên	Viên	60.000	2.040	122.400.000
3	Bạch thược, Bạch truật, Cam thảo, Diệp hạ châu, Đương quy, Đảng sâm, Nhân trần, Phục linh, Trần bì.	3		Uống	Viên	Viên	50.000	2.835	141.750.000
4	Diệp hạ châu, Bồ bồ, (Chi tử), (Rau má).	3		Uống	Viên	Viên	180.000	605	108.900.000
5	Diệp hạ châu, Hoàng bá, Mộc hương, Quế nhục, Tam thất.	3		Uống	Viên nang	Viên	90.000	1.680	151.200.000
6	Diệp hạ châu, Tam thất, Kim ngân hoa, Cam thảo, Thảo quyết minh, Cúc hoa.	3	10g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/túi	30.000	4.620	138.600.000
7	Kim ngân hoa, Nhân trần/Nhân trần tía, Thương nhĩ tử, Nghệ, Sinh địa, Bồ công anh, Cam thảo	3		Uống	Viên nang	Viên	21.000	1.950	40.950.000
8	Kim tiền thảo, Trạch tả, (Thục địa).	3	5g	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/túi	12.000	4.500	54.000.000

TT	Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
9	Kim tiền thảo, (Râu mèo), (Râu ngô)	3	220mg	Uống	Viên nang	Viên	12.000	1.350	16.200.000
10	Nhân trần, Bồ công anh, Cúc hoa, Actiso, Cam thảo, Kim ngân hoa.	3		Uống	Viên nang	Viên	12.000	2.100	25.200.000
11	Actiso, Sài đất, Thương nhĩ tử, Kim ngân, Hạ khô thảo	3		Uống	Viên	Viên	30.000	900	27.000.000
12	Cam thảo, Bạch mao căn, Bạch thược, Đan sâm, Bản lam căn, Hoắc hương, Sài hồ, Liên kiều, Thần khúc, Chỉ thực, Mạch nha, Nghệ	3		Uống	Viên nang	Viên	120.000	2.200	264.000.000
13	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chỉ, Tục đoạn, Bổ cốt chỉ.	3		Uống	Viên nang	Viên	150.000	2.100	315.000.000
14	Độc hoạt, Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng.	3		Uống	Viên nang	Viên	120.000	1.950	234.000.000
15	Mã tiền chế, Đương qui, Đỗ trọng, Ngưu tất, Quế Chi, Độc hoạt, Thương truật, Thổ phục linh	3		Uống	Viên nang	Viên	100.000	1.450	145.000.000
16	Hy thiêm, Thục địa, Tang ký sinh, Khương hoạt, Phòng phong, Đương quy, Đỗ trọng, Thiên niên kiện	3		Uống	Viên hoàn cứng	Gói/túi	60.000	4.000	240.000.000

TT	Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
17	Tần giao, Đỗ trọng, Ngưu tất, Độc hoạt, Phòng phong, Phục linh, Xuyên khung, Tục đoạn, Hoàng kỳ, Bạch thược, Cam thảo, Đương quy, Thiên niên kiện.	3	5g	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/túi	120.000	4.900	588.000.000
18	Mã tiền, Thương truật, Hương phụ tứ chế, Mộc hương, Địa liền, Quế chi	3		Uống	Viên nang	Viên	150.000	1.710	256.500.000
19	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng đằng, Hoài sơn/Sơn Dược, Trần bì, Hoàng liên, Bạch linh, Sa nhân, Bạch thược, Cam thảo, Đảng sâm.	3	4g	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/túi	45.000	3.900	175.500.000
20	Bạch truật, Ý dĩ, Cam thảo, Mạch nha, Liên nhục, Sơn tra, Đẳng sâm, Thần khúc, Phục linh, Phấn hoa, Hoài Sơn, Cao xương hỗn hợp.	3	100ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/ gói/túi	2.400	50.000	120.000.000
21	Nghệ vàng.	3	100ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/ gói/túi	6.000	54.000	324.000.000
22	Nhân sâm/Đảng sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, (Sinh khương), (Đại táo).	3		Uống	Viên nang	Viên	68.000	810	55.080.000
23	Nhân sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, Hòe hoa, Cỏ nhọ nồi, Kim ngân hoa, Đào nhân.	3		Uống	Viên nang	Viên	3.600	8.450	30.420.000
24	Xích đồng nam, Ngấy hương, Thục địa, Hoài sơn, Đan bì, Bạch linh, Trạch tả, Mật ong.	3		Uống	Viên hoàn cứng	Gói/túi	24.000	9.500	228.000.000

TT	Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
25	Bạch truật, Cam thảo, Mạch nha, Đảng sâm, Đỗ trọng, Đương quy, Phục linh, Sa nhân, Hoài sơn, Táo nhân, Liên nhục, Bạch thược, Trần bì, Viễn chí, Ý dĩ, Bạch tật lê.	3	4g	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/túi	40.000	4.000	160.000.000
26	Đinh lăng, Bạch quả/Ginkgo biloba.	3	3g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/túi/chai /lọ/ống	45.000	3.200	144.000.000
27	Đương quy, Bạch quả/Ginkgo biloba.	3		Uống	Viên nang	Viên	55.000	1.490	81.950.000
28	Địa long, Hoàng kỳ, Đương quy, Xích thược, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa	3		Uống	Viên nang	Viên	55.000	5.500	302.500.000
29	Đinh lăng, Bạch quả, Cao Đậu tương lên men.	3		Uống	Viên nang	Viên	95.000	2.916	277.020.000
30	Lá sen/Tâm sen, Lá vông, Bình vôi/Rotundin	3		Uống	Viên	Viên	95.000	2.935	278.825.000
31	Toan táo nhân, Tri mẫu, Phục linh, Xuyên khung, Cam thảo.	3		Uống	Viên nang	Viên	95.000	3.100	294.500.000
32	Thỏ ty tử, Hà thủ ô, Dây đau xương, Cốt toái bổ, Đỗ trọng, Cúc bất tử, Nấm sò khô.	3		Uống	Viên nang	Viên	74.000	2.500	185.000.000
33	Bách bộ.	3	90ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/ gói/túi	7.200	26.940	193.968.000
34	Lá thường xuân.	3	5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/ gói/túi	15.000	4.600	69.000.000
35	Húng chanh, núc nác, cineol	3	60ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/ gói/túi	10.000	27.300	273.000.000

TT	Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
36	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược.	3	8ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/ gói/túi	22.500	4.494	101.115.000
37	Nhân sâm, Nhung hươu, (Cao ban long)	3		Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/ gói/túi	22.500	6.800	153.000.000
38	Câu đằng, Thiên ma, Hoàng cầm, Đỗ trọng, Bạch phục linh, Thạch quyết minh, Ngưu tất, Ích mẫu, Tang ký sinh, Sơn chi, Dạ giao đằng, (Hòe hoa).	3		Uống	Viên nang	Viên	27.000	2.650	71.550.000
39	Hà thủ ô đỏ, Đảng sâm, Sơn thù, Mạch môn, Hoàng kỳ, Bạch truật, Cam thảo, Ngũ vị tử, Đương quy, Mẫu đơn bì.	3	10g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/túi	60.000	3.780	226.800.000
40	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Bạch thược/Xích thược), (Hồng hoa), (Đan sâm).	3		Uống	Viên	Viên	700.000	790	553.000.000
41	Hoàng kỳ, Đào nhân, Hồng hoa, Địa long, Nhân sâm, Xuyên khung, Đương quy, Xích thược, Bạch thược.	3		Uống	Viên	Viên	60.000	1.050	63.000.000
42	Hoàng kỳ, Đương quy, Kỷ tử.	3		Uống	Viên	Viên	60.000	1.190	71.400.000
43	Ngưu tất, Nghệ, Hoa hòe, (Bạch truật).	3		Uống	Viên nang	Viên	180.000	900	162.000.000
44	Tam thất.	3	0,6g	Uống	Viên nang	Viên	30.000	3.499	104.970.000

TT	Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
45	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả.	3	8ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/ gói/túi	30.000	4.914	147.420.000
46	Thục địa, Đương quy, Bạch thược/Hà thủ ô, Xuyên khung, Ích mẫu, Ngải cứu/Ngải diệp, Hương phụ/Hương phụ chế, (Nghệ), (Đảng sâm).	3	10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/ gói/túi	800	7.500	6.000.000
47	Ích mẫu, Hương phu, Ngải cứu, (Đương quy)	3		Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/ gói/túi	800	4.389	3.511.200
48	Bạch tật lê, Bạch thược, Câu kỷ tử, Cúc hoa,Mẫu đơn bì, Đương quy, Hoài sơn,Bạch linh, Thục địa, Sơn thù, Thạch quyết minh, Trạch tả	3	10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/ gói/túi	1.200	11.000	13.200.000
49	Thương nhĩ tử, Hoàng kỳ, Bạch chỉ, Phòng phong, Tân di hoa, Bạch truật, Bạc hà.	3		Uống	Viên nang	Viên	17.000	830	14.110.000
50	Tân di/Tân di hoa, Cảo bản, Bạch chỉ, Phòng phong, Tế tân, Xuyên khung, Thăng ma, Cam thảo.	3		Uống	Viên nang	Viên	18.000	1.900	34.200.000
51	Long não, Tinh dầu bạch hà, Tinh dầu tràm, Tinh dầu hương nhu trắng/Tinh dầu đinh hương, Tinh dầu quế.	3	10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ/ống	2.400	30.000	72.000.000
52	Cao khô Trinh nữ hoàng cung.	1	500mg	Uống	Viên nang	Viên	18.000	4.950	89.100.000
Tổng cộng: 52 khoản									**7.963.199.200**